



ISPAAE

Số Tháng 03/2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH
XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN**

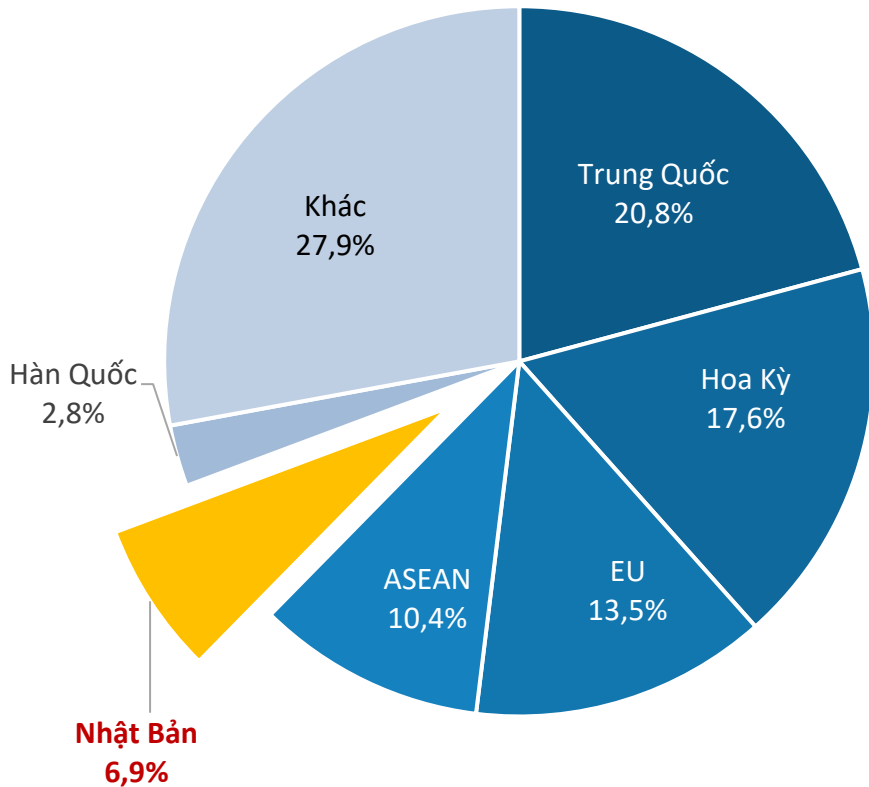
THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN

Thực hiện: **AGREINFOS**



TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN THÁNG 02/2026

Tỷ trọng xuất khẩu NLTS Việt Nam - Nhật Bản, T02/2026



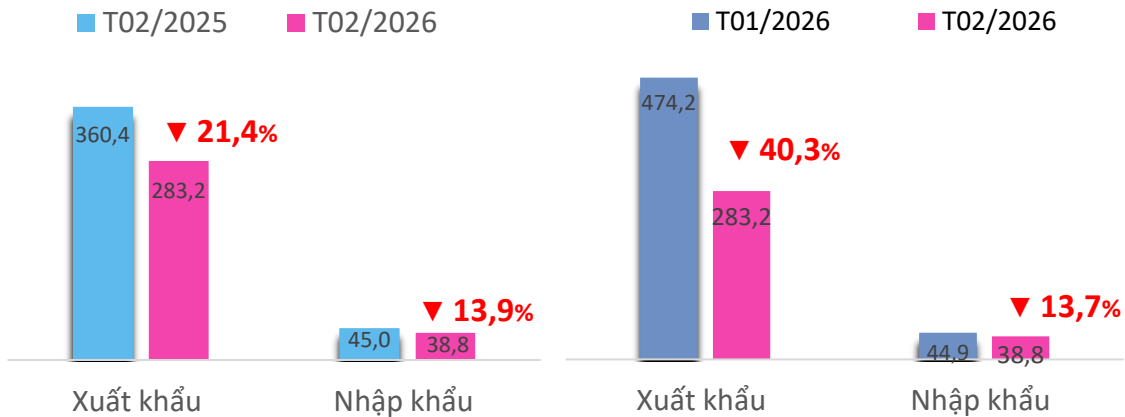
Biến động tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Nhật Bản, T02/2026 so với T01/2026 và T02/2025

Thị trường	Giá trị (triệu USD)	So với T01/2026	So với T02/2025
Trung Quốc	848	▼ 2,1%	▲ 4,2%
Hoa Kỳ	717	▼ 1,1%	▼ 0,6%
EU	551	▲ 1,0%	▼ 0,6%
ASEAN	424	▲ 1,6%	▲ 0,5%
Nhật Bản	283	▼ 0,3%	▼ 0,9%
Hàn Quốc	114	▼ 0,2%	▼ 0,7%
Tổng XK	4.073		

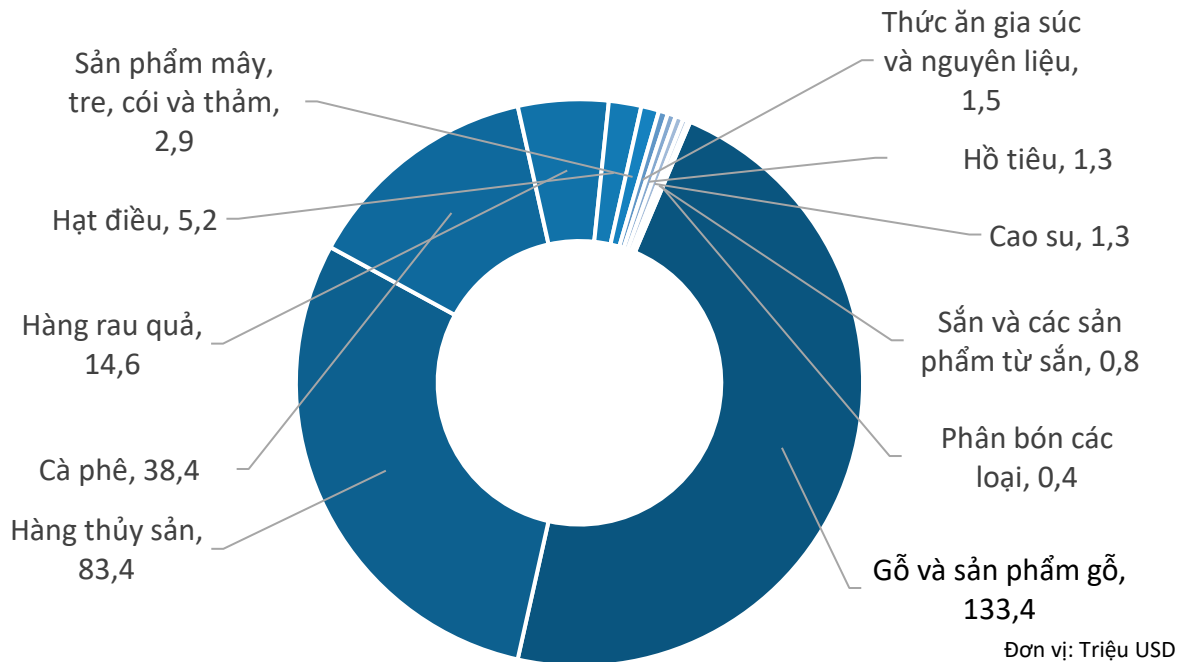
TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN THÁNG 02/2026

Kim ngạch xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - Nhật Bản, T02/2026

Đơn vị: Triệu USD



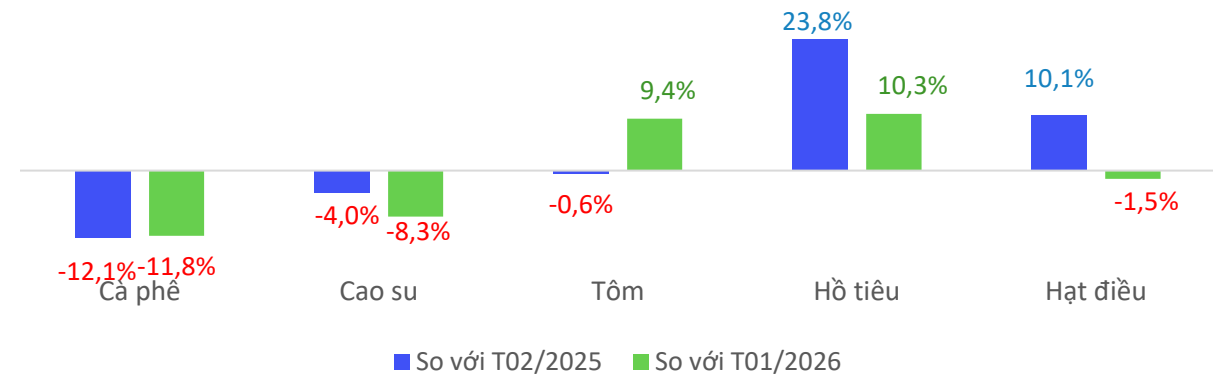
Kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Nhật Bản, T02/2026



Biến động giá trị XK NLTS chính sang thị trường Nhật Bản, T02/2026 so với T01/2026



Biến động giá XK bình quân của một số sản phẩm NLTS chính sang thị trường Nhật Bản, T02/2026 so với tháng trước và cùng kỳ 2025



Thủ tướng Phạm Minh Chính đối thoại với doanh nghiệp Nhật Bản

Ngày 21/3 tại Hà Nội, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã chủ trì cuộc đối thoại với các doanh nghiệp Nhật Bản. Đây là cuộc đối thoại đầu tiên với khối doanh nghiệp nước ngoài trong năm 2026, diễn ra ngay sau thành công của Đại hội Đảng lần thứ XIV, thể hiện sự coi trọng đặc biệt của Chính phủ Việt Nam đối với quan hệ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản cũng như vai trò và đóng

góp của các doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam.

Tại cuộc đối thoại, Thủ tướng nhấn mạnh định hướng thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, thân thiện môi trường và ứng dụng công nghệ hiện đại như kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, công nghiệp bán dẫn, năng lượng mới và tái tạo, tài chính xanh, công nghệ sinh học, y tế và nông nghiệp công nghệ cao - những lĩnh vực mà doanh nghiệp Nhật Bản có nhiều lợi thế.



Nguồn: baochinhphu.vn

Kinh tế Nhật Bản xuất hiện nhiều tín hiệu suy yếu

Kinh tế Nhật Bản ghi nhận những dấu hiệu suy yếu rõ nét trong những tháng đầu năm 2026 ở khu vực sản xuất và tiêu dùng. Chỉ báo trùng (Coincident Indicator Index), giảm 1,6 điểm so với tháng 01, xuống còn 116,3 trong tháng 02/2026, chấm dứt chuỗi hai tháng tăng trước đó. Nguyên nhân là do xuất khẩu chip bán dẫn, thiết bị sản xuất chip và sản lượng ô tô giảm.

Bên cạnh đó, xung đột tại Trung Đông tiếp tục tới tấp tạo áp lực khi Nhật Bản phụ thuộc lớn vào nhập khẩu năng lượng và nguyên liệu đầu vào như naphtha.

Ở trong nước, tiêu dùng hộ gia đình vẫn trì trệ khi giảm 1,8% trong tháng 02/2026 so với cùng kỳ, đánh dấu tháng suy giảm thứ ba liên tiếp dù thu nhập thực tế đã cải thiện. Với tiêu dùng chiếm hơn một nửa GDP, xu hướng suy yếu này đang trở thành rào cản lớn đối với quá trình phục hồi kinh tế của Nhật Bản trong thời gian



Nguồn: reuters.com

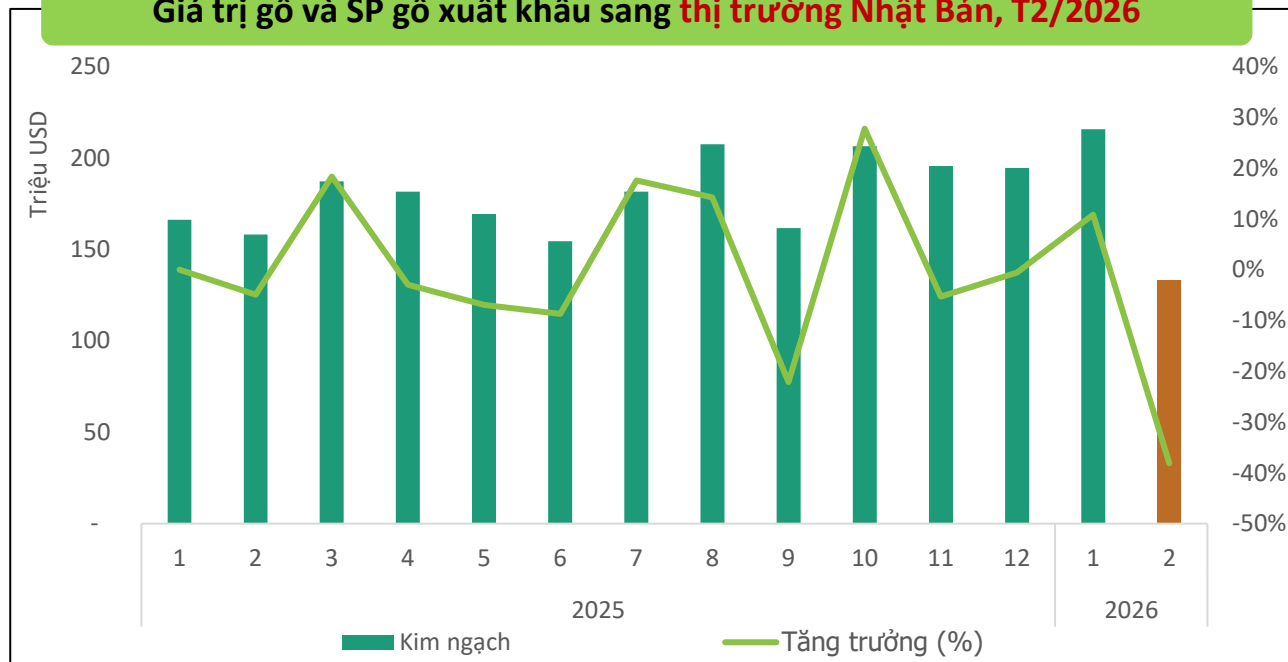


Tin liên quan



GỖ VÀ SP GỖ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Nhật Bản, T2/2026

KIM NGẠCH

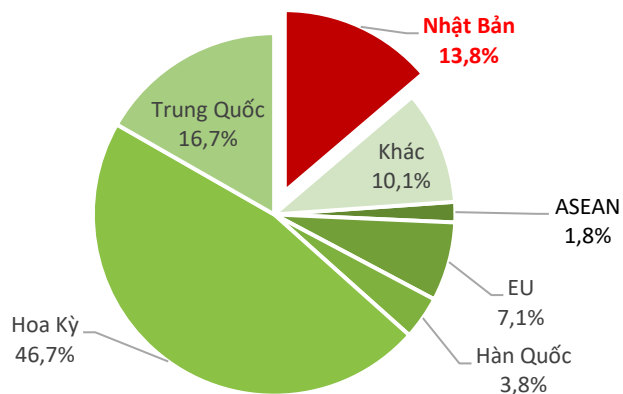


133

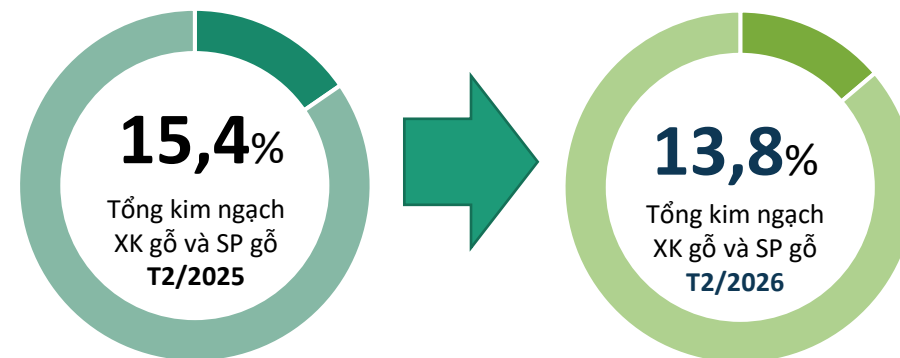
triệu USD

- ↘ Giảm **38,1%** so với T1/2026
- ↘ Giảm **22,6%** so với T2/2025
- ↘ Thấp hơn **47,0 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025
- ❖ Lũy kế 2 tháng đầu năm 2026 đạt **349,1** triệu USD, đạt **16,1%** kim ngạch năm 2025

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường Nhật Bản, T2/2026





GỖ VÀ SP GỖ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



Dăm gỗ

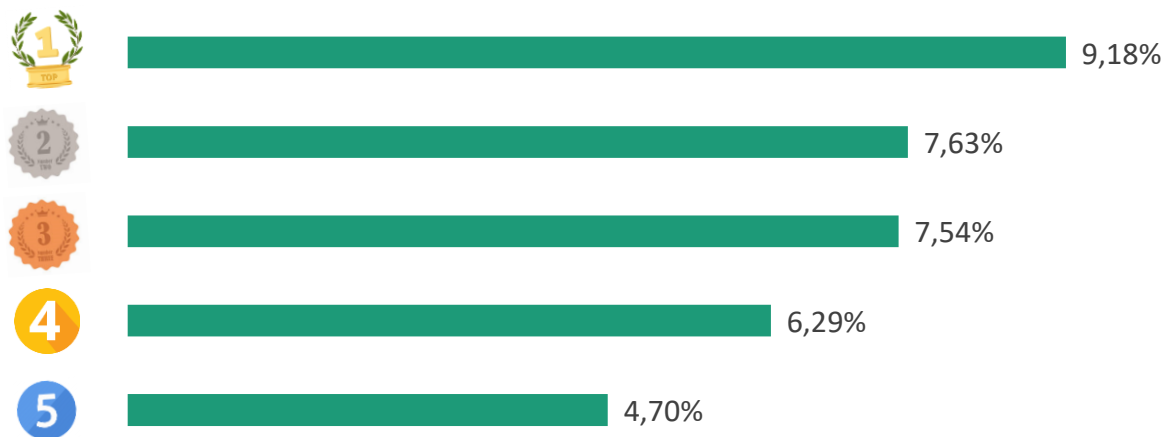
Kim ngạch: **89,5** triệu USD
Giảm **37%** so với T1/2026
Giảm **20%** so với T2/2025



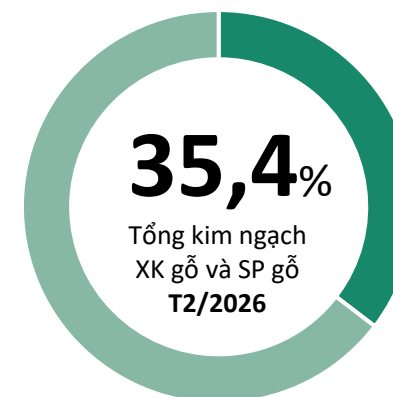
Gỗ dán

Kim ngạch: **5,1** triệu USD
Giảm **45%** so với T1/2026
Giảm **12%** so với T2/2025

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Nhật Bản, T2/2026





GỖ VÀ SP GỖ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SP GỖ NHẬT BẢN



Theo báo cáo “Diễn biến giá và cung - cầu gỗ tháng 3” do Trung tâm Thông tin tổng hợp gỗ Nhật Bản (JAWIC) công bố ngày 18/03/2026, thị trường gỗ Nhật Bản trong tháng 3/2026 cho thấy nguồn cung gỗ nội địa nhìn chung ổn định, tuy nhiên sức mua chưa phục hồi rõ rệt cũng như một số nhóm sản phẩm vẫn chịu áp lực tăng giá do chi phí nguyên liệu, giá nhập khẩu và rủi ro vận chuyển gia tăng. Đối với gỗ nội địa, nguồn cung gỗ tròn tại Tochigi và Gunma khá dồi dào, đặc biệt ở nhóm tuyết tùng Nhật Bản và bách Nhật Bản; tuy nhiên, một số nhà máy chế biến đang có lượng đơn hàng tồn đọng nên phải hạn chế nhận thêm đơn mới. Tại khu vực đô thị lớn, nhu cầu từ xây dựng nhà ở riêng lẻ còn yếu, khiến giao dịch nhìn chung chậm và chủ yếu theo nhu cầu ngắn hạn. Trong khi đó, giá gỗ nhập khẩu từ châu Âu tăng do chi phí sản xuất và lạm phát tại nước xuất khẩu ở mức cao, kéo theo việc nhiều nhà sản xuất gỗ ghép kết cấu tại Nhật Bản điều chỉnh tăng giá bán. Ở phân khúc gỗ dán, giá gỗ tròn tuyết tùng Nhật Bản tăng làm chi phí sản xuất cao hơn, khiến doanh nghiệp bắt đầu nâng giá bán; nhập khẩu gỗ dán cũng tăng 14% so với tháng trước nhờ nguồn cung từ Malaysia phục hồi. Đối với gỗ ghép kết cấu, lượng gỗ thanh nguyên liệu nhập khẩu trong tháng 2 giảm 28%, nhưng tồn kho vẫn đủ đáp ứng nhu cầu; riêng nguyên liệu từ gỗ vân sam trắng tiếp tục thiếu hụt do giá cao.



TIN LIÊN QUAN



THỦY SẢN

Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T2/2026

KIM NGẠCH

83,4 triệu USD



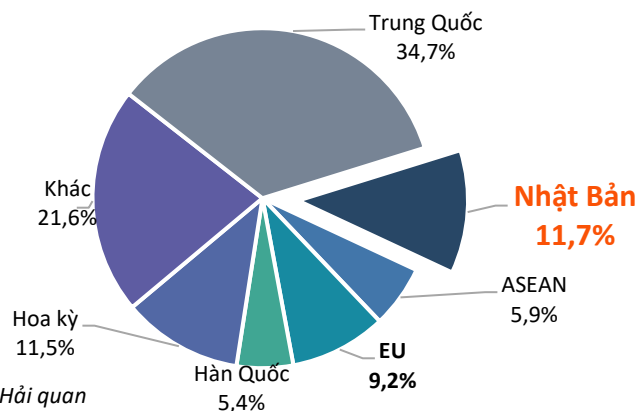
↘ Giảm **44,3%** so với T1/2026

↘ Giảm **18,3%** so với T2/2025

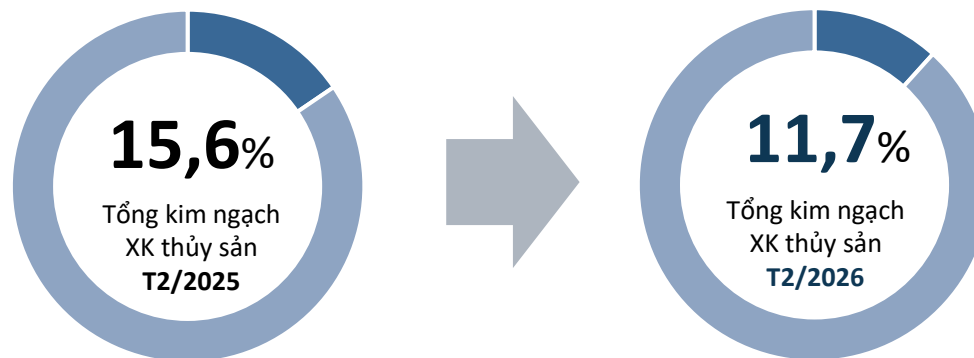
▼ Thấp hơn **56,9** triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 2 tháng 2026 đạt **233,1** triệu USD, Đạt **13,9%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



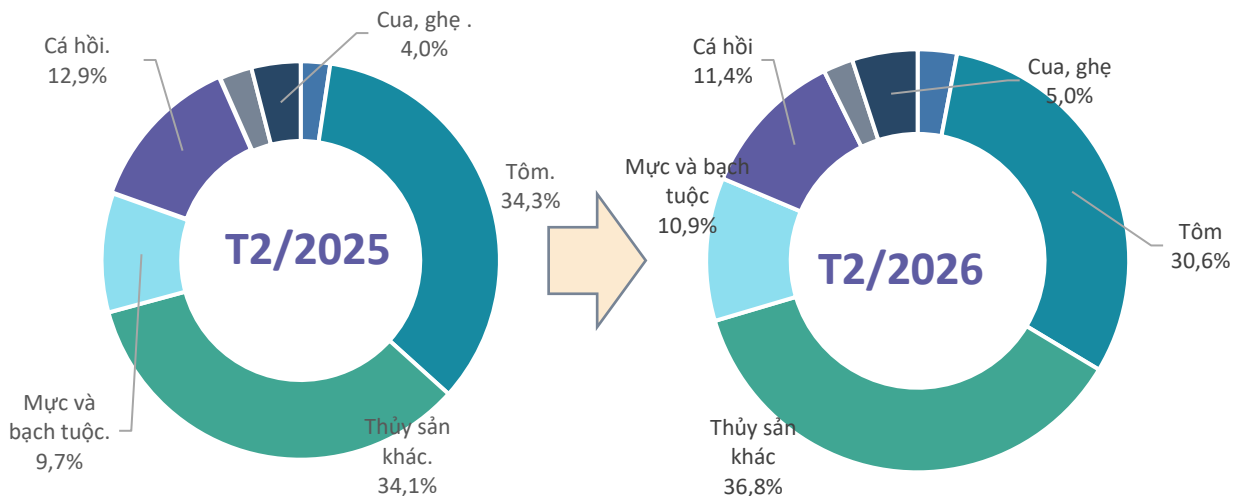
Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T2/2026





THỦY SẢN

Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



Cá hồi

Kim ngạch: **9,5** Triệu USD
Giảm **43,6%** so với T1/2026
Giảm **28,3%** so với T2/2025



Tôm

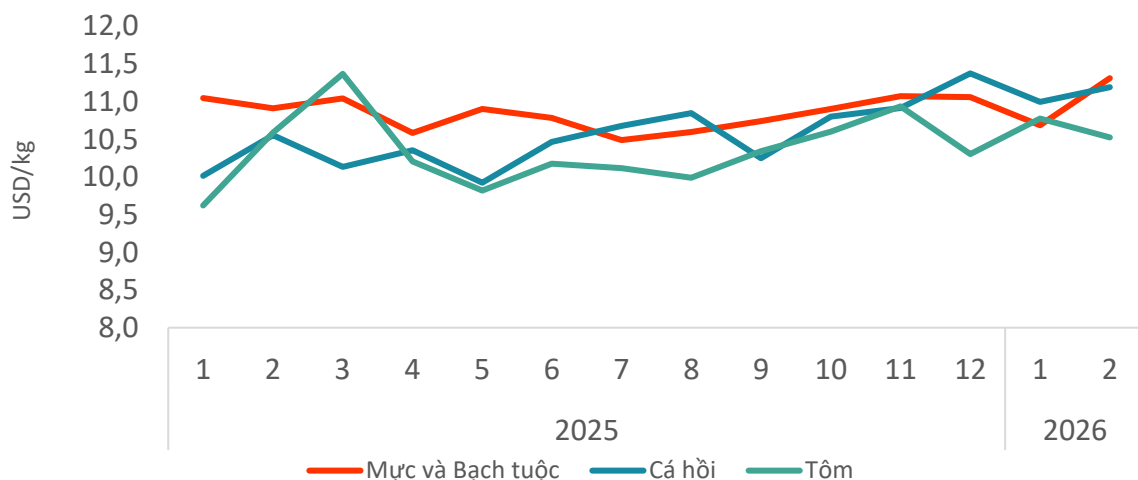
Kim ngạch: **25,5** Triệu USD
Giảm **48,7%** so với T1/2026
Giảm **27,1%** so với T2/2025



Mực và bạch tuộc

Kim ngạch: **9,1** Triệu USD
Giảm **42,1%** so với T1/2026
Giảm **7,4%** so với T2/2025

Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



Mực và Bạch tuộc

Giá xuất khẩu bình quân trong T2/2026 ở mức **11,3** USD/kg; **tăng 5,8%** so với tháng trước; và **tăng 3,7%** so với cùng kỳ năm 2025.

Cá hồi

Giá xuất khẩu bình quân trong T2/2026 ở mức **11,2** USD/kg; **tăng 1,8%** so với tháng trước; và **tăng 6,1%** so với cùng kỳ năm 2025.

Tôm

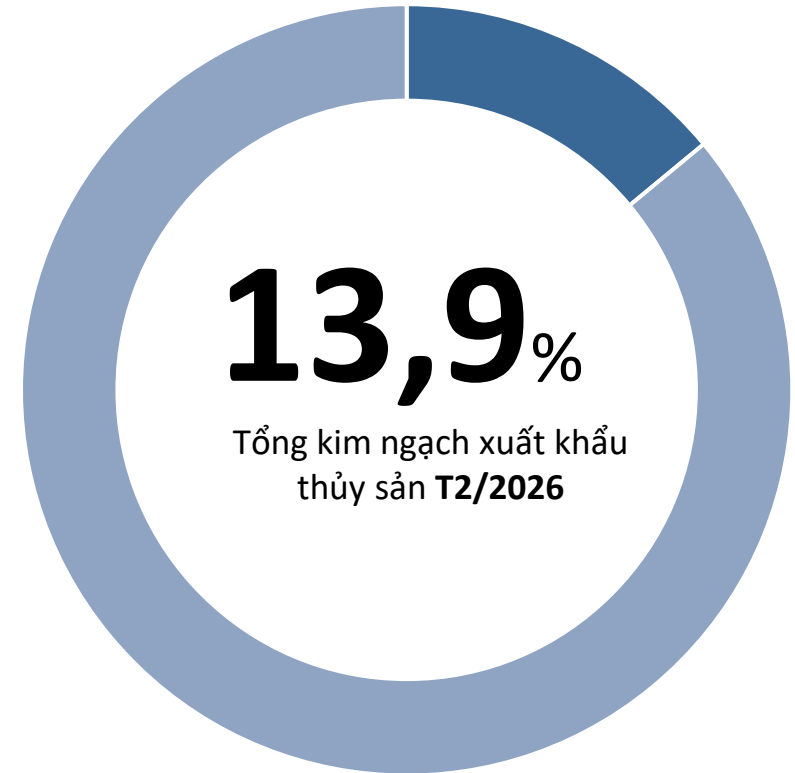
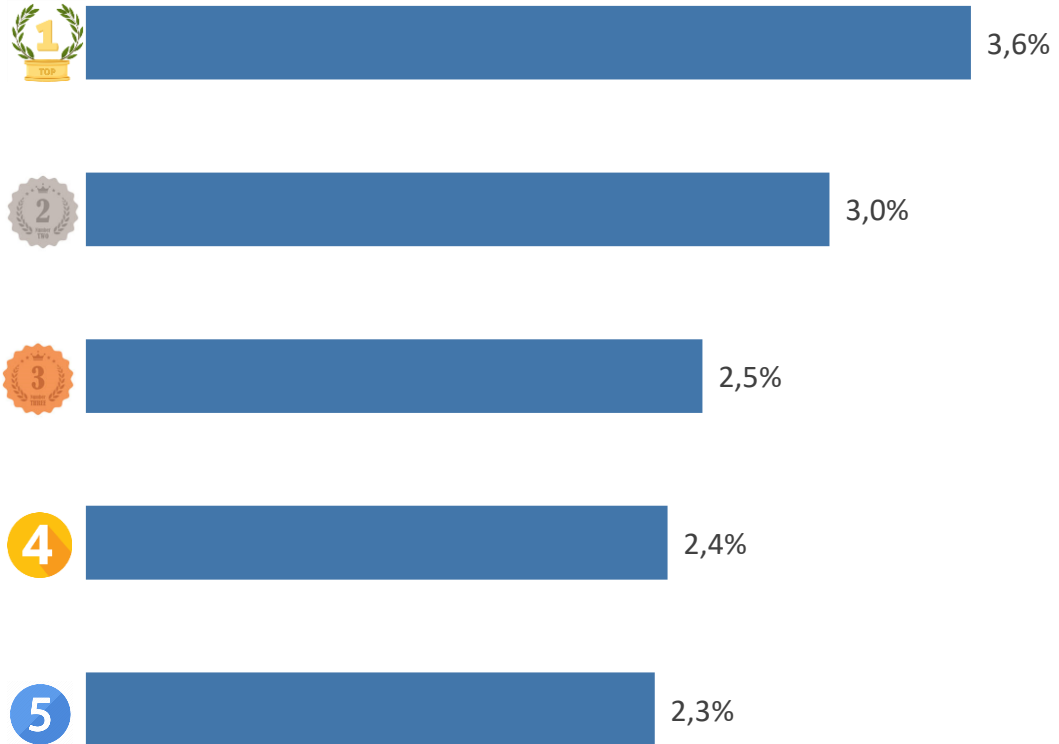
Giá xuất khẩu bình quân trong T2/2026 ở mức **10,5** USD/kg; **giảm 2,3%** so với tháng trước; và **giảm 0,6%** so với cùng kỳ năm 2025.



THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Nhật Bản, T2/2026

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



SẢN LƯỢNG MỰC BAY TĂNG TRỞ LẠI SAU 5 NĂM SUY GIẢM

Sản lượng mực bay của Nhật Bản trong năm 2025 ước đạt 15.261 tấn, tăng 35% so với năm trước, đánh dấu mức phục hồi đầu tiên sau gần 5 năm liên tục suy giảm. Sự cải thiện này chủ yếu đến từ các ngư trường Thái Bình Dương, nhất là tại Hokkaido và khu vực ven biển Sanriku, trong khi sản lượng vụ hè tại Biển Nhật Bản cũng ghi nhận tăng trở lại.

Tuy vậy, thị trường mực của Nhật Bản vẫn chưa hết khó khăn do nguồn cung còn thấp và kích cỡ mực trung bình khá nhỏ, khiến các nhà chế biến phải dùng nhiều nguyên liệu hơn để tạo ra cùng khối lượng sản phẩm.

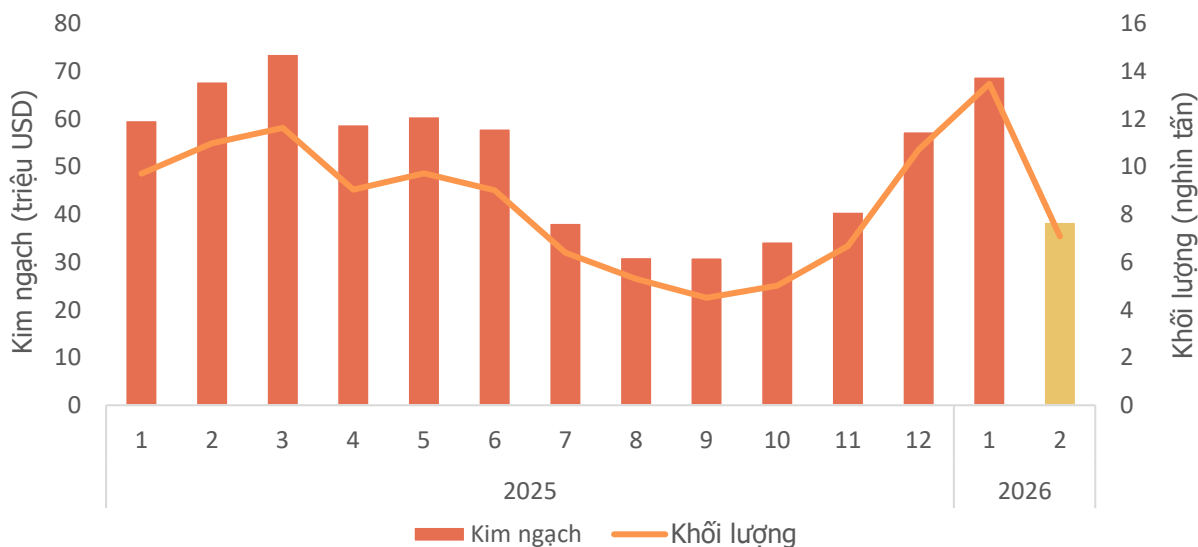
Giá mực trên thị trường vẫn duy trì ở mức cao, đồng thời một phần nguyên liệu còn được chuyển trực tiếp sang phân khúc sushi và sashimi, làm giảm thêm nguồn cung cho ngành chế biến. So với thời kỳ đỉnh cao trong những năm 1990, khi sản lượng từng vượt 100.000 tấn, mức sản lượng hiện nay vẫn còn rất thấp.

Nguồn: Vasep



CÀ PHÊ

Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường Nhật Bản, T2/2026

KIM NGẠCH
38,4 triệu USD

↘ Giảm **44,2%** so với T1/2026

↘ Giảm **43,4%** so với T2/2025

↘ Thấp hơn **12,5 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Giá trị xuất khẩu 2 tháng năm 2026 đạt **107,4** tr.USD, đạt **17,6%** kim ngạch 2025.

KHỐI LƯỢNG
7,1 tấn

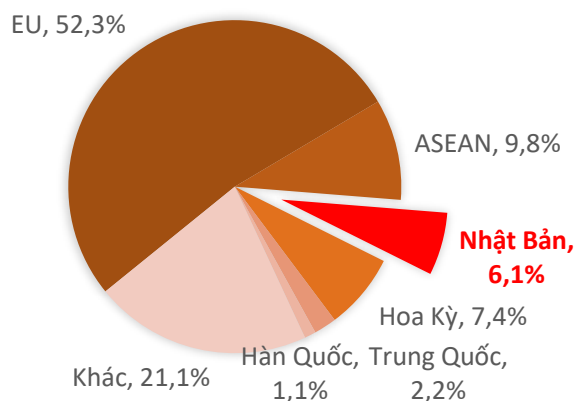
↘ Giảm **47,5%** so với T1/2026

↘ Giảm **35,5%** so với T2/2025

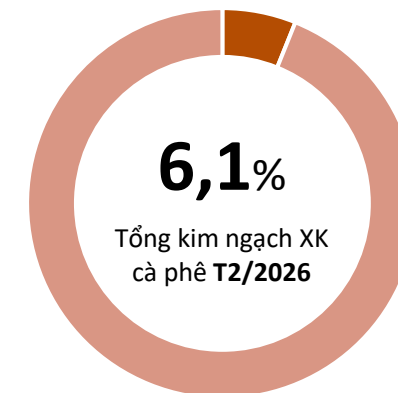
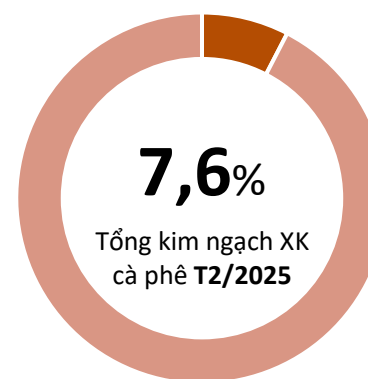
↘ Thấp hơn **1,1 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Khối lượng xuất khẩu 2 tháng năm 2026 đạt **20,6** nghìn tấn, đạt **20,8%** khối lượng năm 2025.

Tỷ trọng giá trị cà phê Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T2/2026

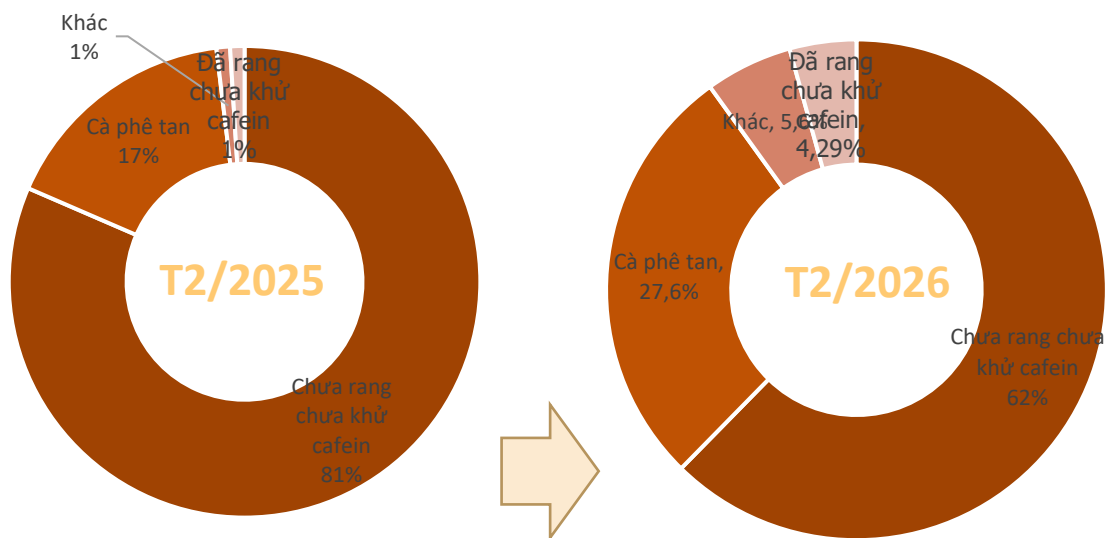


Biến động tỷ trọng giá trị cà phê XK sang thị trường Nhật Bản, T2/2026

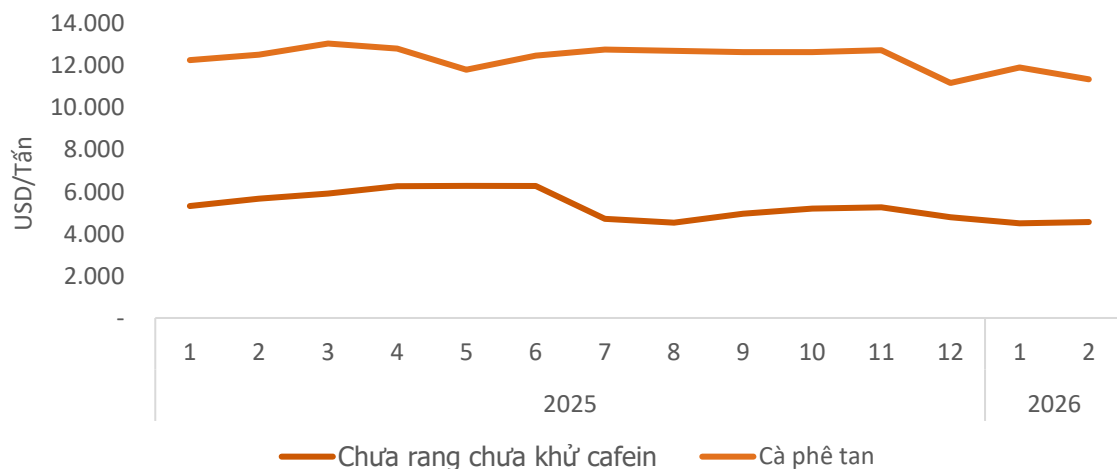


CÀ PHÊ

Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



Chưa rang chưa khử cafein

Kim ngạch: **23,9** Triệu USD
Giảm **49,4%** so với T1/2026
Giảm **56,7%** so với T2/2025



Cà phê tan

Kim ngạch: **10,9** Triệu USD
Giảm **19,5%** so với T1/2026
Giảm **5,6%** so với T2/2025



Đã rang chưa khử cafein

Kim ngạch: **1,6** Triệu USD
Giảm **21%** so với T1/2026
Tăng **148,3%** so với T2/2025

Cà phê tan

Giá xuất khẩu bình quân trong T2/2026 ở mức **11.340** USD/tấn, giảm **4,7%** so với tháng trước, và giảm **9,3%** so với cùng kỳ năm 2025.

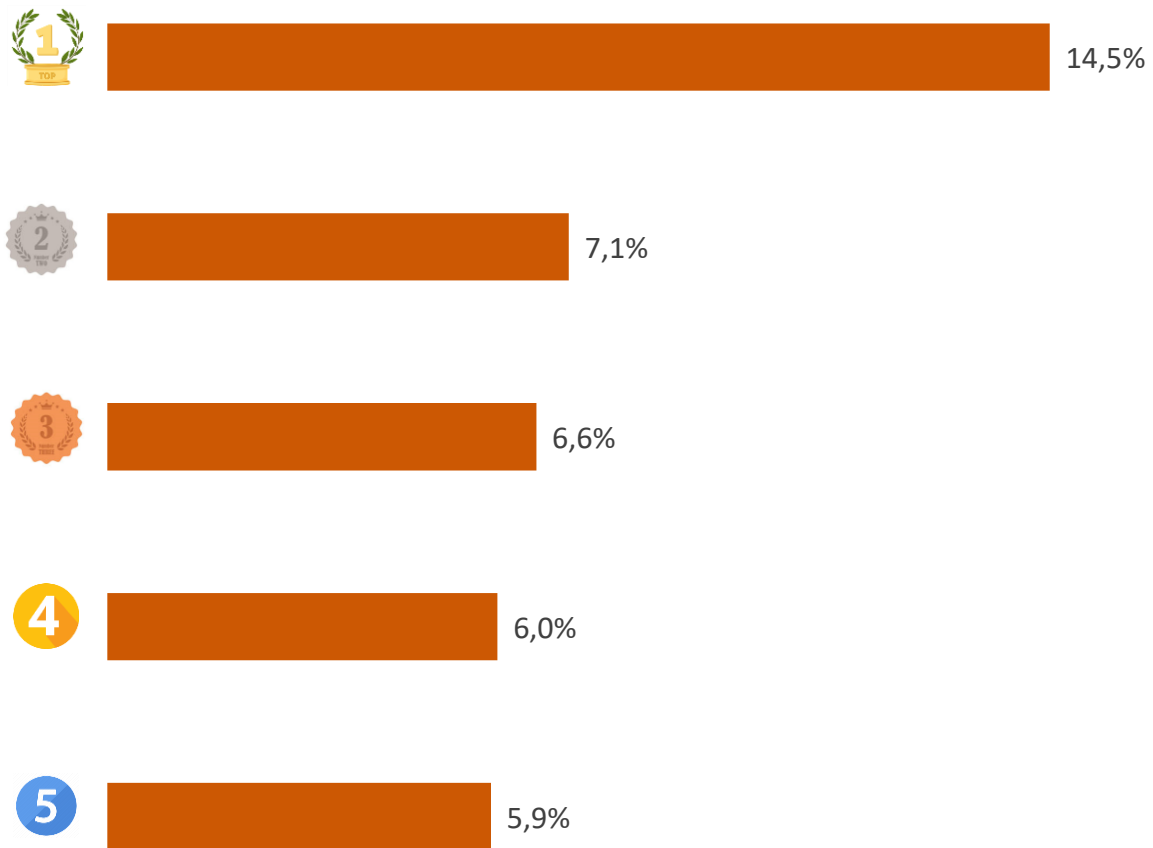
Cà phê chưa rang chưa khử cafein

Giá xuất khẩu bình quân trong T2/2026 ở mức **4.558** USD/tấn; tăng **1,3%** so với tháng trước, và giảm **19,6%** so với cùng kỳ năm 2025.

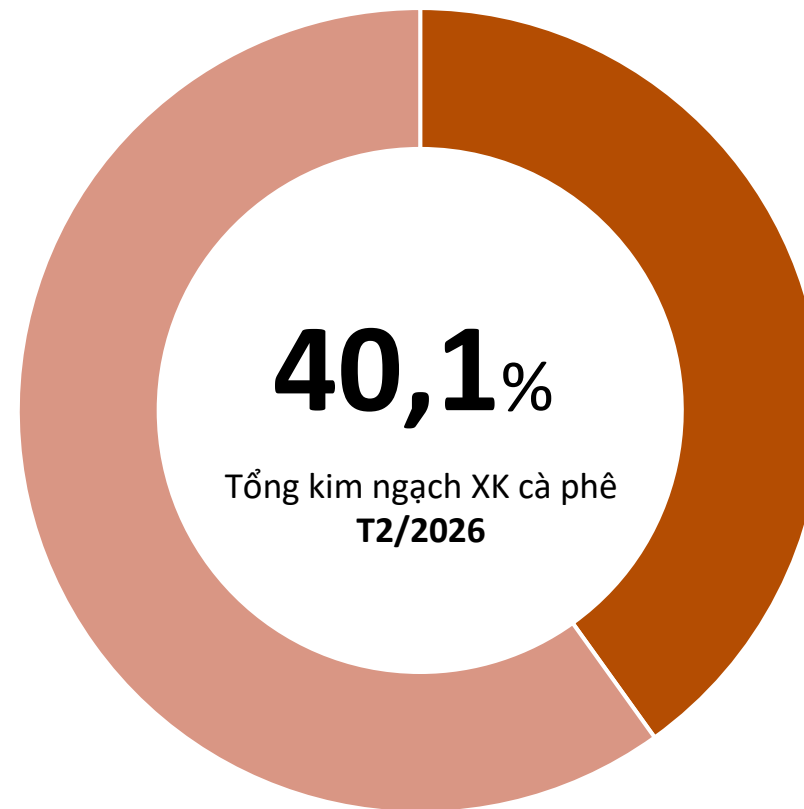


CÀ PHÊ

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ NHẬT BẢN



Trong 2 tháng đầu năm 2026, Nhật Bản tiếp tục duy trì nhu cầu nhập khẩu cà phê cao. Tháng 1/2026 lượng nhập khẩu đạt 30,7 nghìn tấn, trị giá 222,3 triệu USD, tăng 4,0% về lượng và tăng mạnh 33,3% về trị giá so với cùng kỳ năm trước; giá nhập khẩu bình quân đạt 7.229 USD/tấn, tăng 28,2%. Brazil tiếp tục là nguồn cung lớn nhất với thị phần tăng lên 44,09%, trong khi Việt Nam đứng thứ hai nhưng thị phần giảm xuống còn 29,56% do lượng và giá trị xuất khẩu đều giảm.

Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Nhật Bản đạt 20,6 nghìn tấn, trị giá 107,4 triệu USD, giảm nhẹ 0,6% về lượng nhưng giảm mạnh 15,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025 do giá xuất khẩu suy giảm. Đáng chú ý, cà phê Robusta chiếm tỷ trọng lớn nhất, tương đương 63% tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này, trong khi cà phê chế biến chiếm 30,7% và Arabica chiếm 6,2%.

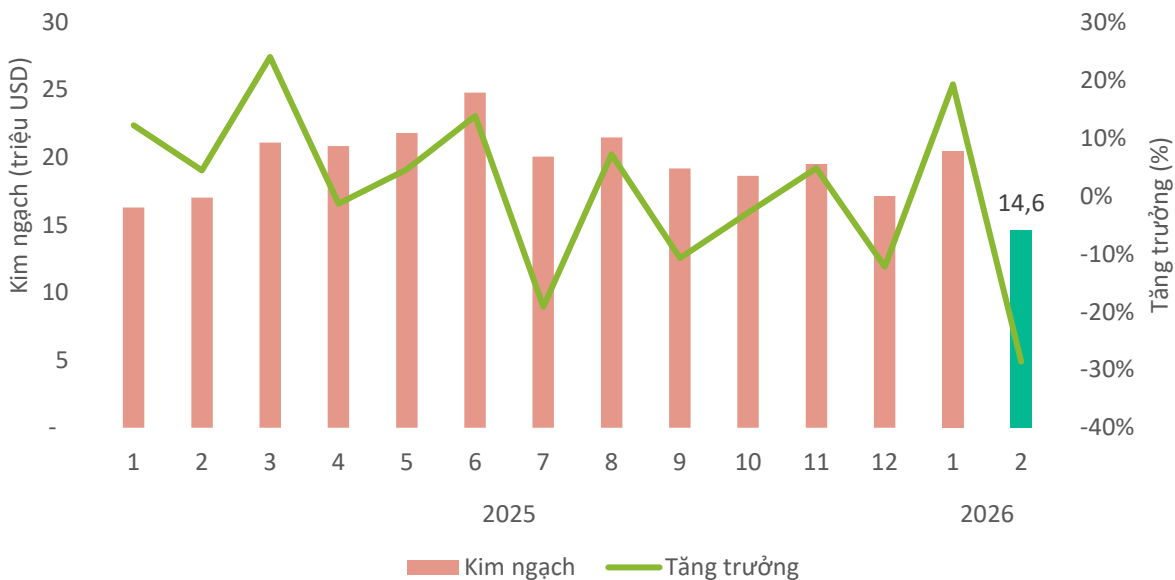
Bên cạnh đó, Nhật Bản gia tăng nhập khẩu từ Colombia, phản ánh sự dịch chuyển cơ cấu nguồn cung trong bối cảnh giá cà phê toàn cầu biến động. ày.





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường Nhật Bản, T2/2026

KIM NGẠCH

14,6
triệu USD

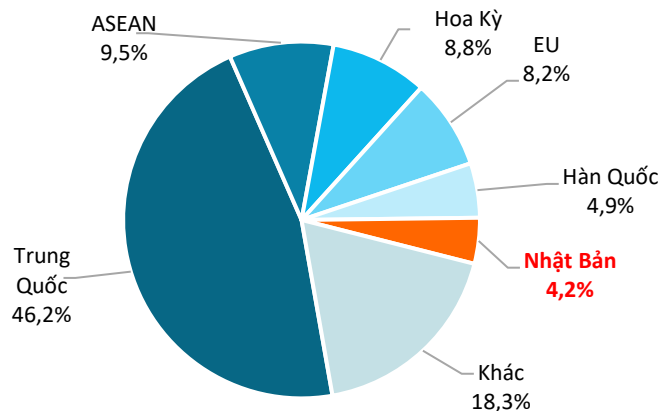
Giảm **28,6%** so với T1/2026

Giảm **14,2%** so với T2/2025

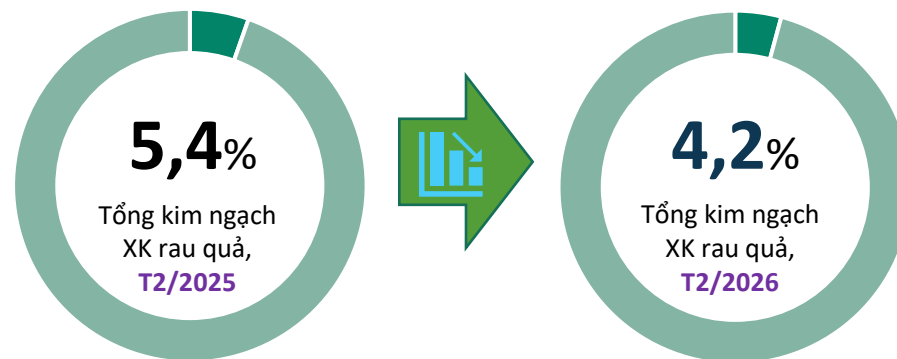
Thấp hơn **5,2 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 2 tháng năm 2026 đạt **35,0 triệu USD**, đạt **14,7%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



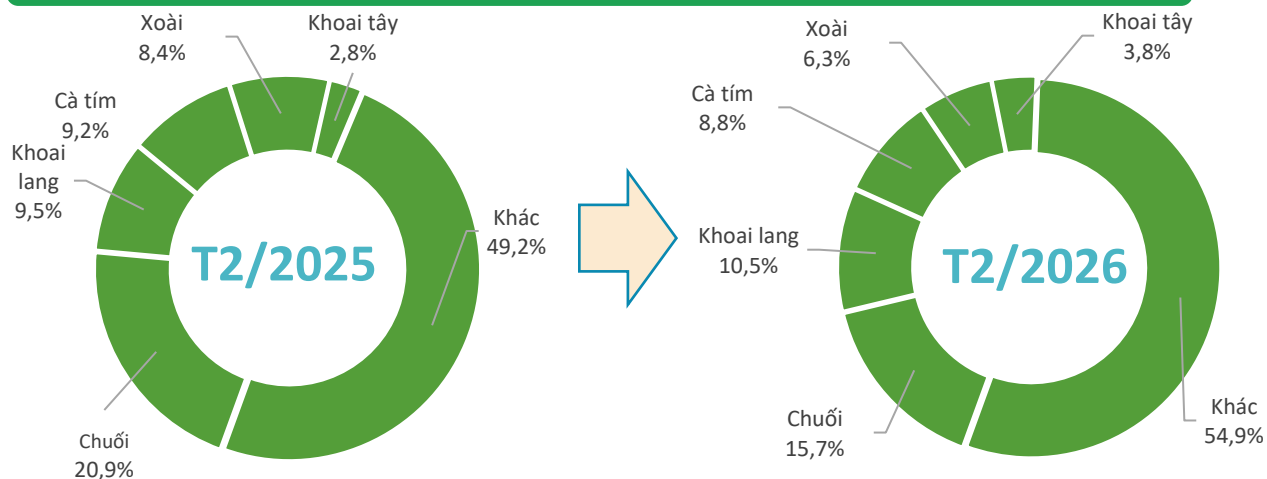
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả XK sang thị trường Nhật Bản, T2/2026





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



Chuối

Kim ngạch: **2,3** triệu USD

Giảm **33,9%** so với T1/2026

Giảm **35,6%** so với T2/2025



Khoai lang

Kim ngạch: **1,5** triệu USD

Giảm **23,1%** so với T1/2026

Giảm **5,2%** so với T2/2025



Cà tím

Kim ngạch: **1,3** triệu USD

Giảm **5,0%** so với T1/2026

Giảm **17,4%** so với T2/2025



Xoài

Kim ngạch: **0,91** triệu USD

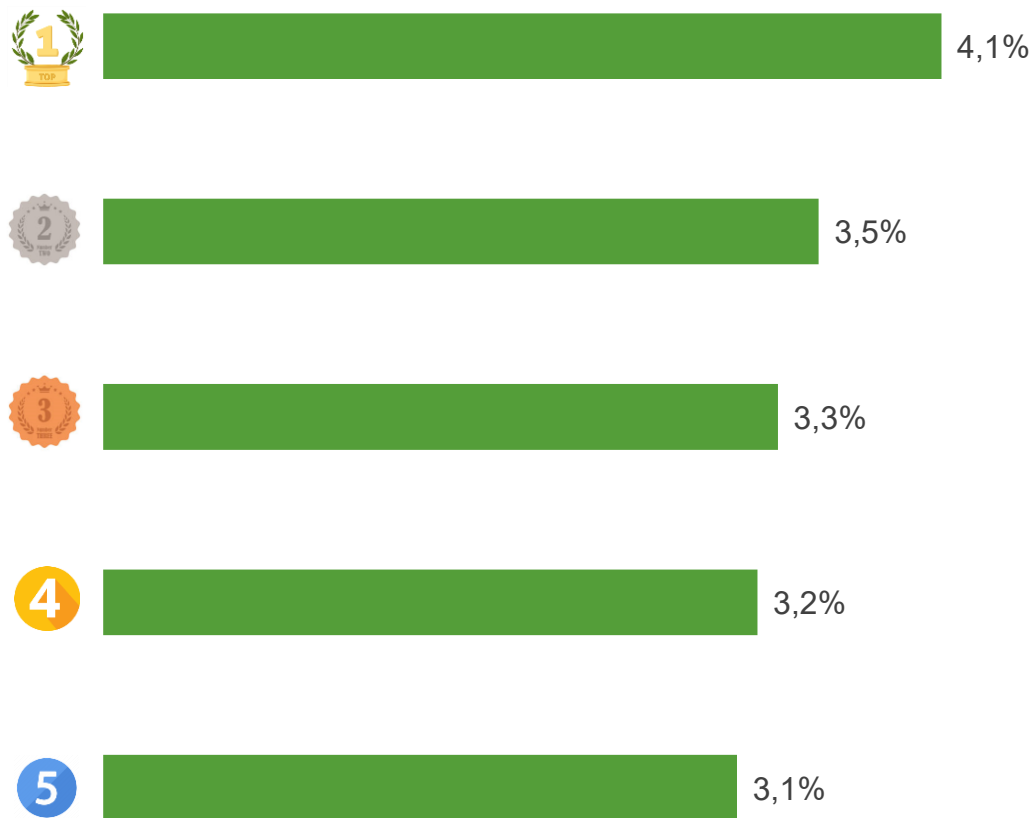
Giảm **34,0%** so với T1/2026

Giảm **36,2%** so với T2/2025

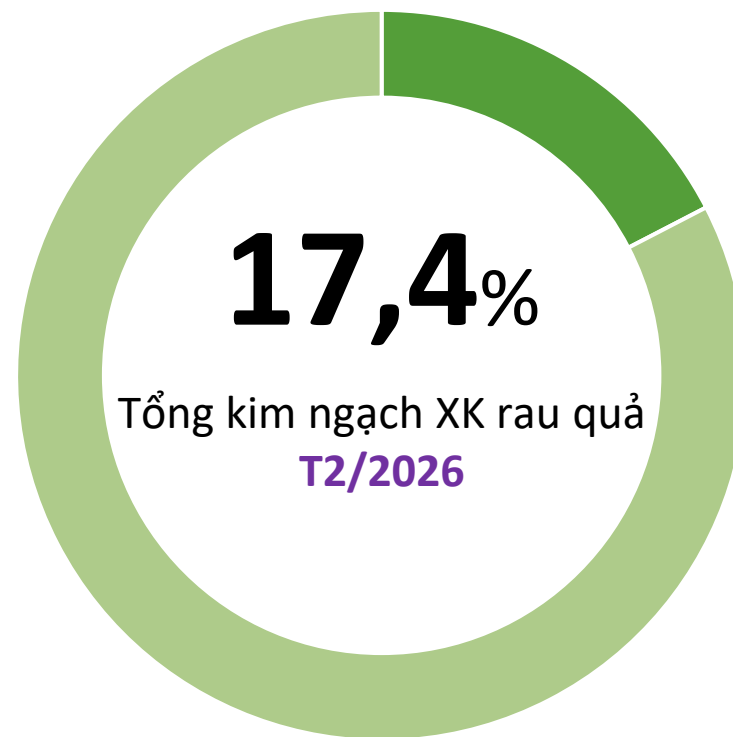


RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



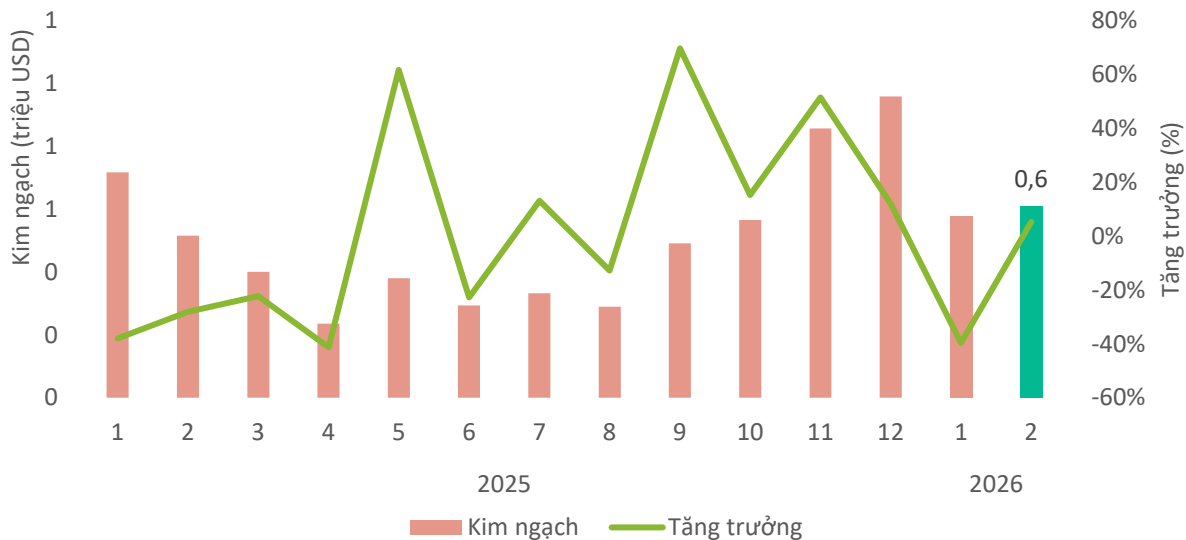
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T2/2026





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả nhập khẩu từ thị trường Nhật Bản, T2/2026



Kết quả nhập khẩu rau quả từ thị trường Nhật Bản, T2/2026

KIM NGẠCH



0,6

triệu USD

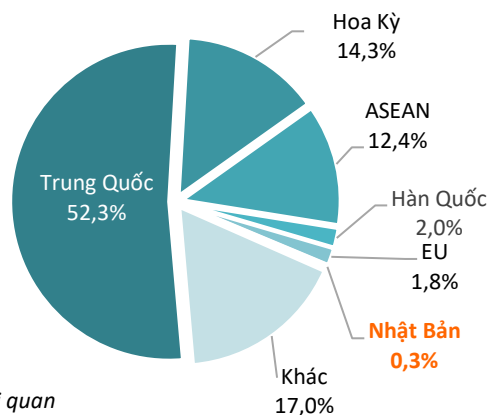
Tăng **5,3%** so với T1/2026

Tăng **18,0%** so với T2/2025

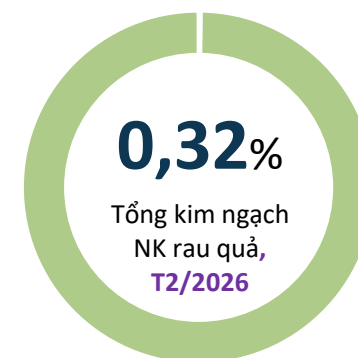
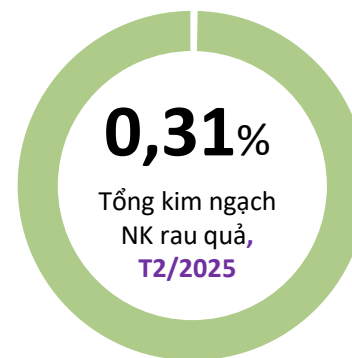
Cao hơn **105,4 nghìn USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 2 tháng năm 2026 đạt **1,2 triệu USD**, đạt **19,7%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam NK từ thị trường Nhật Bản, T2/2026



Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN NK từ thị trường Nhật Bản, T2/2026



Rau quả

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ NHẬT BẢN



Nhật Bản tăng cường bảo hộ các giống cây trồng trong nước

Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản đang chuẩn bị ban hành các biện pháp pháp lý mới nhằm tăng cường bảo vệ các giống cây trồng được phát triển trong nước.

Theo đó, Nhật Bản sẽ sửa đổi quy định trong Luật Bảo vệ Giống cây trồng và Hạt giống, cho phép các nhà lai tạo giống kiểm soát chặt chẽ hơn việc sử dụng, nhân giống và đặc biệt là việc đưa hạt giống hoặc vật liệu nhân giống ra nước ngoài.

Biện pháp này được đưa ra nhằm ngăn chặn tình trạng các giống cây trồng của Nhật Bản xuất hiện trên thị trường quốc tế mà không được phép, qua đó bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong nông nghiệp, duy trì lợi thế cạnh tranh của ngành nông nghiệp Nhật Bản và khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu, phát triển các giống cây trồng mới.

Nguồn: [Fructidor.com](https://www.fructidor.com)



Tin liên quan

Rau quả

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ NHẬT BẢN



Sản lượng cam quýt Nhật Bản tiếp tục suy giảm

Sản lượng cam quýt của Nhật Bản tiếp tục chịu áp lực do diện tích trồng giảm và lực lượng nông dân ngày càng già hóa. Sản lượng quýt đạt 744.000 tấn trong niên vụ 2024/25 và dự kiến tăng nhẹ lên khoảng 816.000 tấn trong niên vụ 2025/26 dù diện tích thu hoạch dự kiến tiếp tục giảm.

Sản lượng cam trong nước chỉ đạt 3.900 – 4.090 tấn, khiến Nhật Bản phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu, chủ yếu từ Úc, Hoa Kỳ, Nam Phi và Chile. Sản lượng chanh tương đối ổn định, khoảng 49.000 tấn và sản lượng bưởi đạt khoảng 25.000–26.000 tấn.

Nguồn: [Fructidor.com](https://www.fructidor.com)

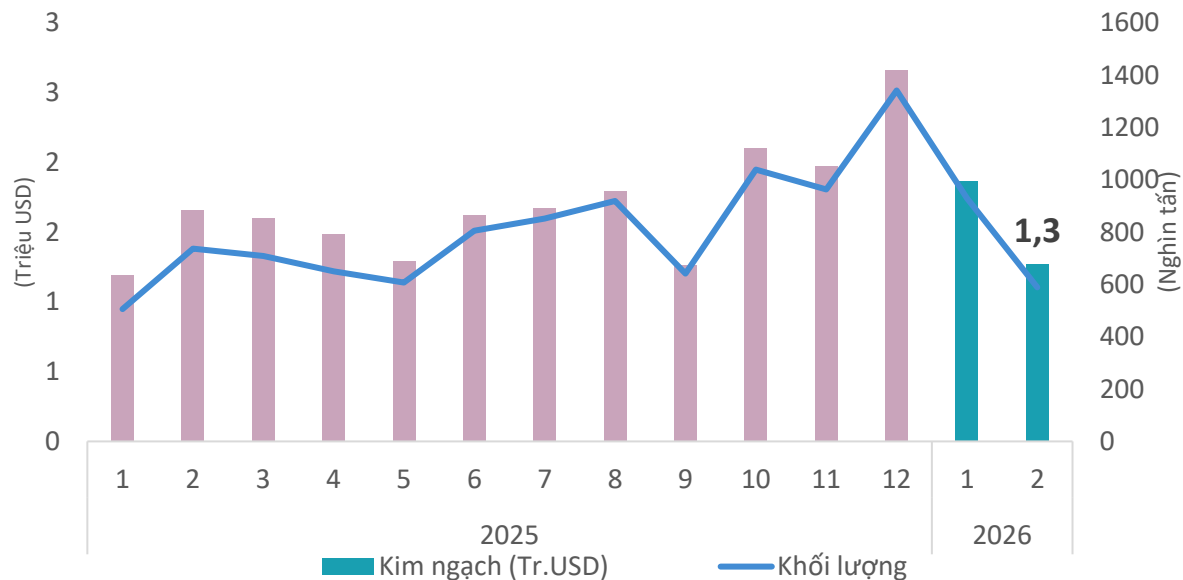


Tin liên quan



CAO SU

Khối lượng và giá trị cao su xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T02/2026



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Nhật Bản, T02/2026

KIM NGẠCH

1,27 triệu USD

↘ Giảm **31,8%** so với T01/2026

↘ Giảm **23,3%** so với T02/2025

↓ Thấp hơn **4,4 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 02 tháng đầu năm 2026 **3,1 triệu USD**, đạt **15,4%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG

589 tấn

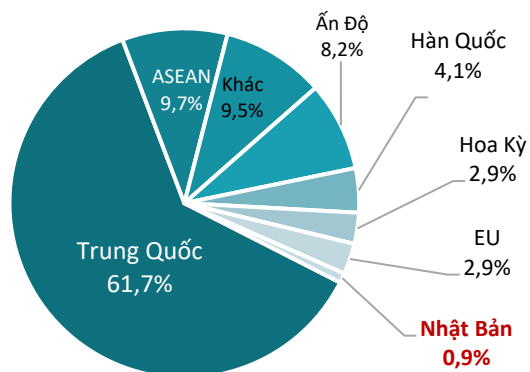
↘ Giảm **36,6%** so với T01/2026

↘ Giảm **20,1%** so với T02/2025

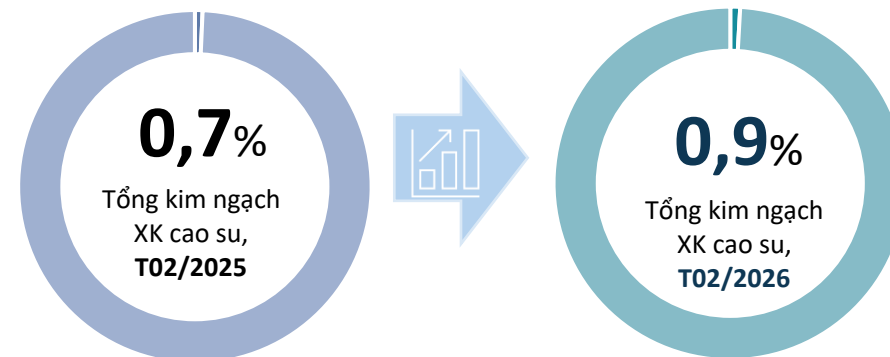
↓ Thấp hơn **0,2 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 02 tháng đầu năm 2026 **1,5 nghìn tấn**, đạt **15,5%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị cao su Việt Nam sang thị trường Nhật Bản, T02/2026



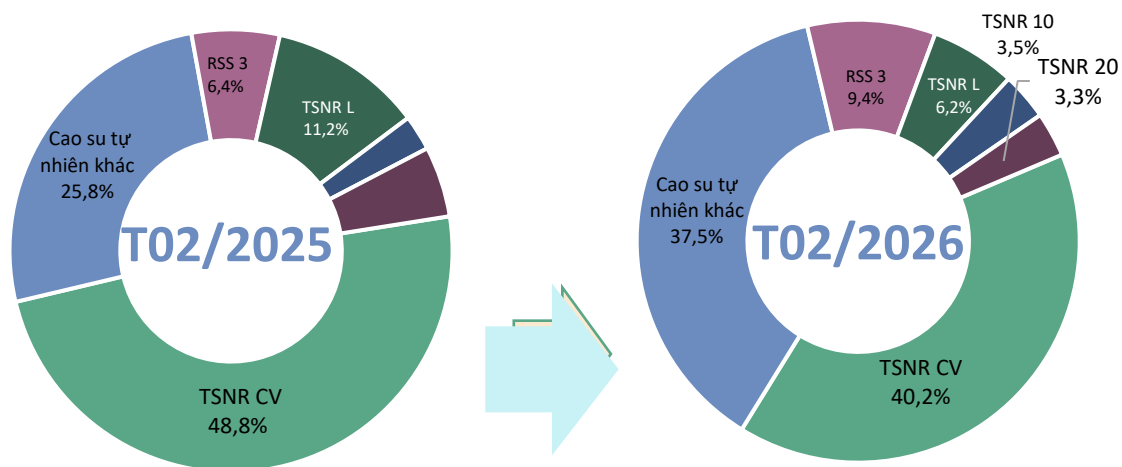
Biến động tỷ trọng giá trị cao su VN sang thị trường Nhật Bản, T02/2026





CAO SU

Cơ cấu chủng loại cao su xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T02/2026



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Nhật Bản, T02/2026



TSNR L

Kim ngạch: **0,08** triệu USD
Giảm **66%** so với T01/2026
Giảm **57,3%** so với T02/2025



TSNR CV

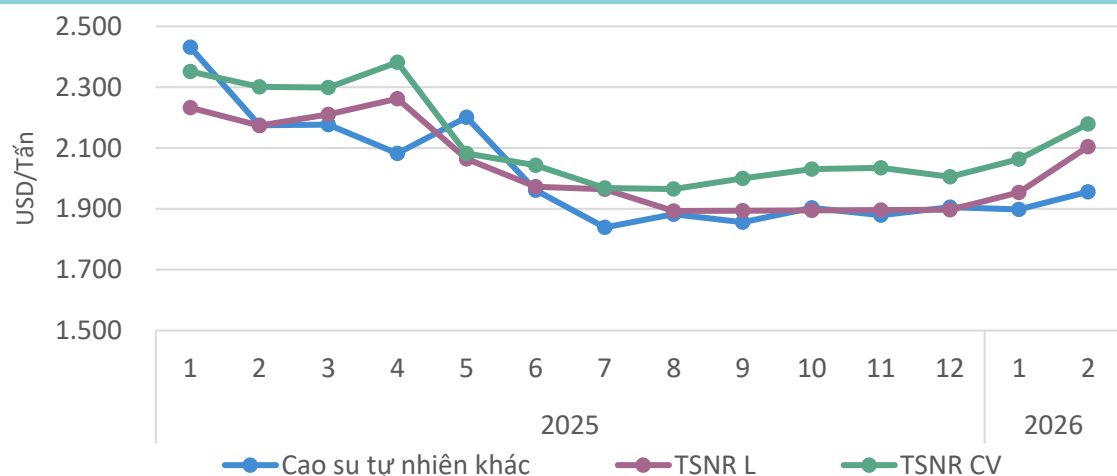
Kim ngạch: **0,51** triệu USD
Giảm **47,7%** so với T01/2026
Giảm **36,8%** so với T02/2025



Cao su tự nhiên khác

Kim ngạch: **0,48** triệu USD
Tăng **57,3%** so với T01/2026
Tăng **11,3%** so với T02/2025

Giá cao su xuất khẩu bình quân sang thị trường Nhật Bản, T02/2026



TSNR CV

Giá xuất khẩu bình quân trong T02/2026 ở mức **2.179** USD/tấn; **tăng 5,6%** so với tháng trước; và **giảm 5,3%** so với cùng kỳ năm 2025.

TSNR L

Giá xuất khẩu bình quân trong T02/2026 ở mức **2.104** USD/tấn; **tăng 7,7%** so với tháng trước; và **giảm 3,2%** so với cùng kỳ năm 2025.

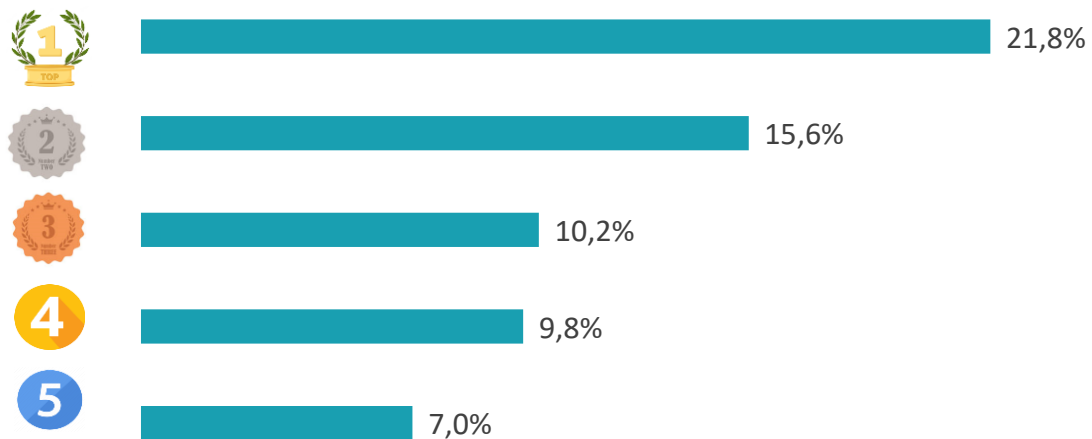
Cao su tự nhiên khác

Giá xuất khẩu bình quân trong T02/2026 ở mức **1.957** USD/tấn; **tăng 3,1%** so với tháng trước; và **giảm 10,0%** so với cùng kỳ năm 2025.

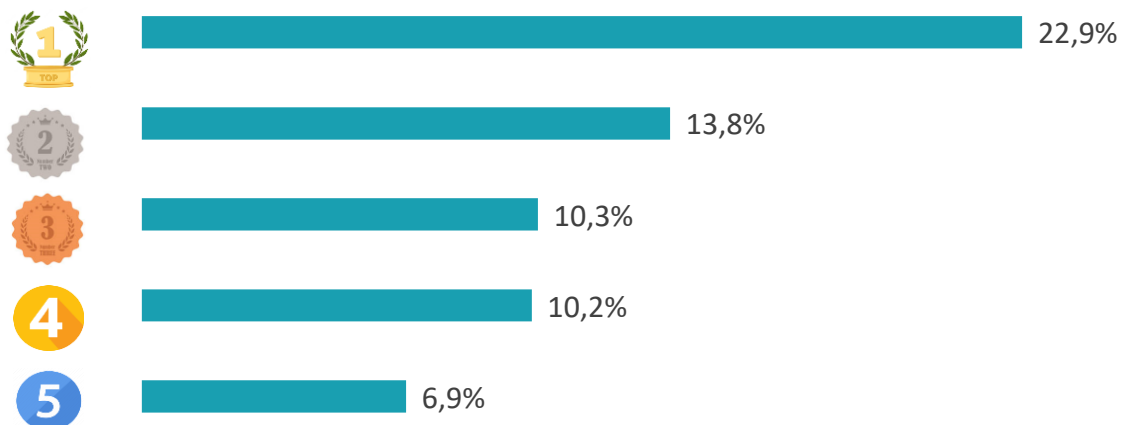


CAO SU

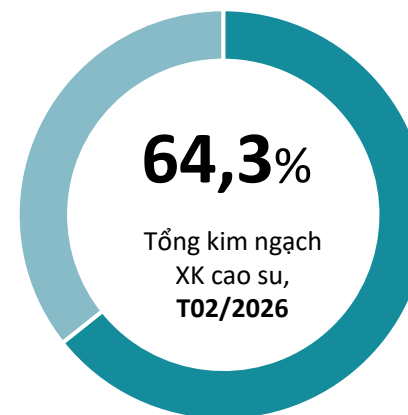
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường Nhật Bản, T02/2026



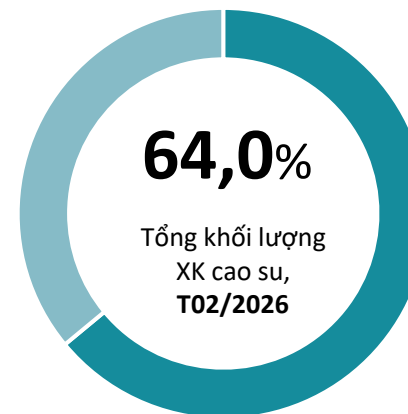
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu cao su sang thị trường Nhật Bản, T02/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T02/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T02/2026





ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CAO SU NHẬT BẢN

❖ Thị trường cao su Nhật Bản tăng trưởng mạnh giai đoạn 2026-2034

Trung tâm Nghiên cứu Thị trường Nhật Bản vừa công bố báo cáo về thị trường cao su Nhật Bản giai đoạn 2026-2034, cho thấy triển vọng tăng trưởng tích cực trong dài hạn. Năm 2025, quy mô thị trường cao su Nhật Bản đạt khoảng 55,6 tỷ USD và được dự báo sẽ tăng lên 165 tỷ USD vào năm 2034, tương ứng tốc độ tăng trưởng bình quân 12,84%/năm.

Thị trường cao su Nhật Bản được thúc đẩy bởi tăng trưởng ngành ô tô, đặc biệt là xe điện, cùng với sự mở rộng hạ tầng và nhu cầu vật liệu thân thiện môi trường. Cao su được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực như lốp xe, linh kiện ô tô và sản phẩm công nghiệp, với sự cạnh tranh của các doanh nghiệp lớn. Đồng thời, đổi mới công nghệ và xu hướng phát triển bền vững tiếp tục là yếu tố định hình thị trường trong thời gian tới.

Trong bối cảnh nhu cầu công nghiệp và tiêu dùng tăng trưởng, cùng với xu hướng chuyển đổi xanh, thị trường cao su Nhật Bản được kỳ vọng duy trì đà tăng trưởng mạnh và đóng vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị cao su toàn cầu.





THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

Giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Nhật Bản, T2/2026

KIM NGẠCH



Giảm **38,2%** so với T1/2026

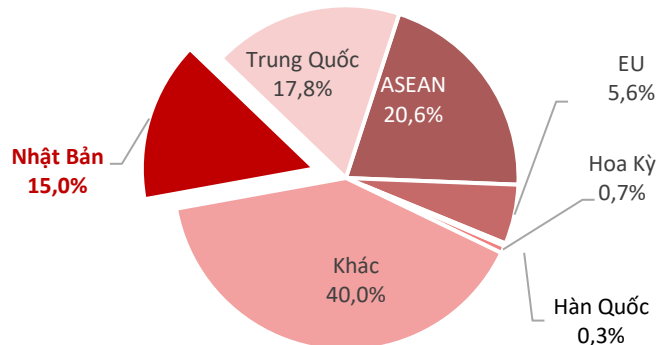
Giảm **15%** so với T2/2025

2,85
triệu USD

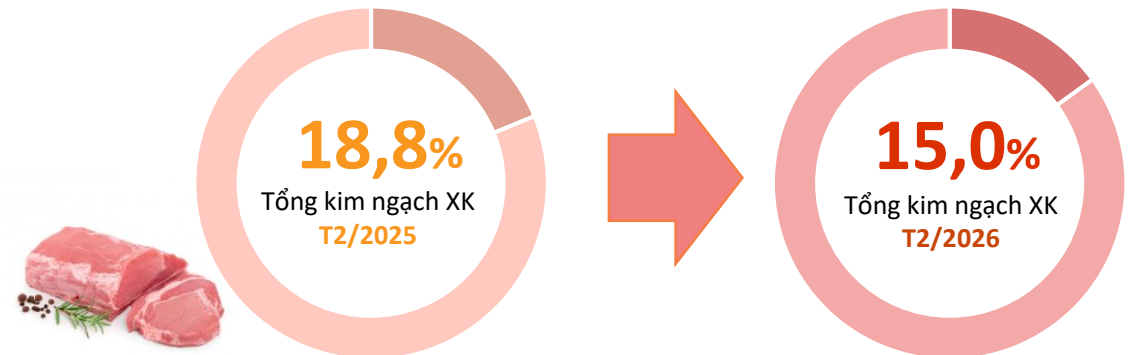
Thấp hơn **1,57 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

♦ 2 tháng đầu năm 2026 đạt **7,5 triệu USD**, đạt **14,1%** kim ngạch năm 2025

Tỷ trọng giá trị XK thịt và SP từ thịt của VN sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



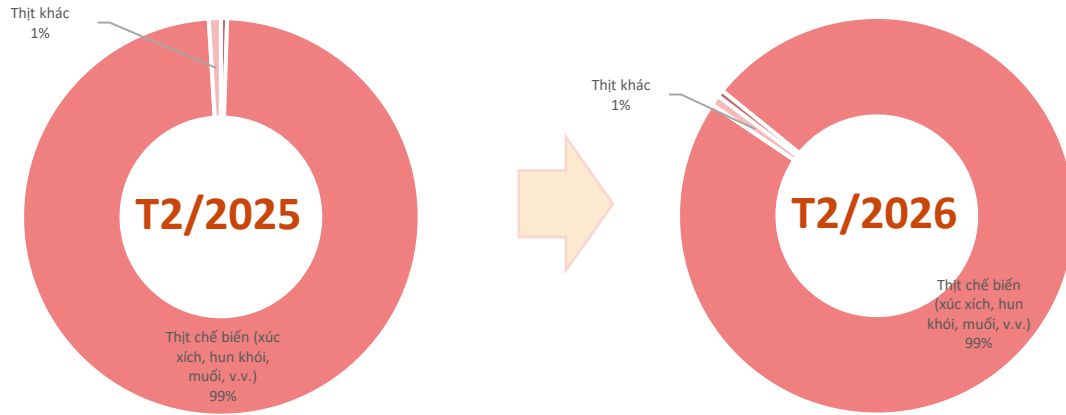
Biến động tỷ trọng giá trị thịt & SP từ thịt của VN sang thị trường Nhật Bản, T2/2026





THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

Cơ cấu chủng loại thịt và SP từ thịt xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



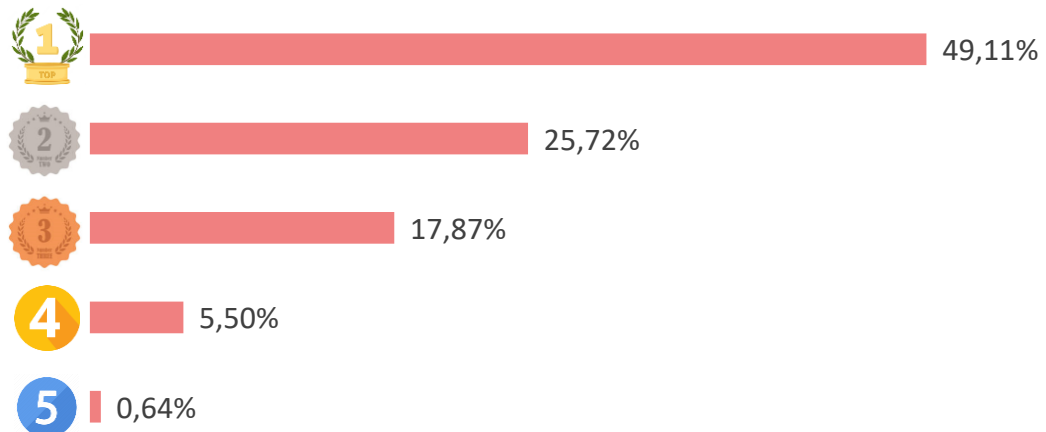
Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối,...)

Kim ngạch: **2,8** triệu USD

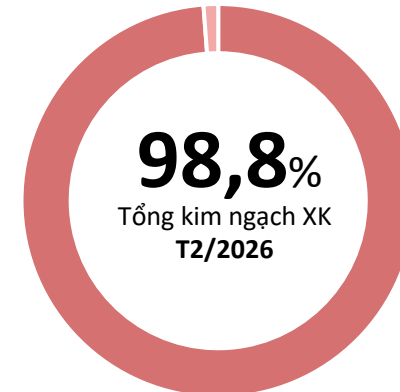
Giảm **32,4%** so với T1/2026

Giảm **14,9%** so với T2/2025

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu thịt và SP từ thịt lớn nhất sang thị trường Nhật Bản, T2/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Nhật Bản, T2/2026





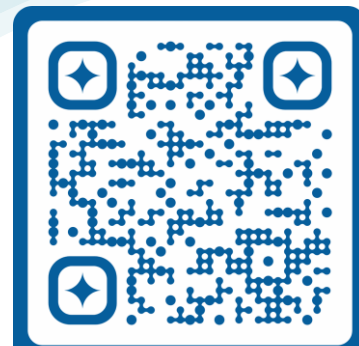
Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: *Số 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội*

Email: thongtinthitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo